

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị NA, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 501 A2, Chung cư BS, phường BS, quận KA, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Lê AT, sinh năm 1983; địa chỉ: L 1716/16 C - 149 00, P, Cộng hòa Séc.

Chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị NA trình bày:

Chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam ở Cộng hòa Séc vào ngày 10/10/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên là Lê Bảo L, sinh ngày 17/10/2014. Đến năm 2015, vợ chồng anh, chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và tính cách. Mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng hơn khi chị NA trở về Việt Nam, còn anh T vẫn ở lại Séc. Từ năm 2020, do khoảng cách địa lý và mâu thuẫn, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị NA đề nghị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT có 01 con chung tên là Lê Bảo L, sinh ngày 17/10/2014, hiện đang ở Việt Nam với chị NA. Khi ly hôn, chị NA đề nghị được nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn là anh Lê AT đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trình bày:

Anh Lê AT thông nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị NA về việc kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác nhận đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị NA. Về con chung: Anh T đề nghị giao con Lê Bảo L, sinh ngày 17/10/2014 cho chị NA nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con chung đủ 10 tuổi, anh T sẽ đón con chung sang Cộng hòa Séc để nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T được quyền thăm nom đưa đón con chung khi về Việt Nam; việc cấp dưỡng, anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh T nhất trí với chị NA, vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh Lê AT ở Cộng hòa Séc không thể về Việt Nam giải quyết việc ly hôn được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án, anh đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị NA nhận thay tất cả văn bản tố tụng của Tòa án.

Do chị Nguyễn Thị NA đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị NA hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê AT hiện đang cư trú tại Cộng hòa Séc. Theo quy định tại Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị NA và bị đơn là anh Lê AT vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ

khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam ở Cộng hòa Séc ngày 10/10/2014, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện do chị NA và anh T tính cách không phù hợp, bất đồng về quan điểm sống và khoảng cách địa lý nên anh chị đã phát sinh mâu thuẫn khiến cho tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ gia đình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị NA và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị NA xin ly hôn với anh T và được anh T hoàn toàn đồng ý phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị NA được ly hôn anh Lê AT.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT có 01 con chung tên là Lê Bảo L, sinh ngày 17/10/2014, hiện Lê Bảo L đang ở Việt Nam với chị NA. Khi ly hôn, anh T và chị NA đều thống nhất giao con chung cho chị NA tiếp tục nuôi dưỡng; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị NA và anh T, giao con chung Lê Bảo L cho chị NA nuôi dưỡng cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với đề nghị của anh T về việc giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Linh khi cháu 10 tuổi, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, anh T có quyền làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc thay đổi người nuôi con sau khi ly theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nếu có căn cứ.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Nguyễn Thị NA là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2, 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị NA

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị NA được ly hôn anh Lê AT

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Lê Bảo L, sinh ngày 17/10/2014 cho chị Nguyễn Thị NA trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con, chị NA không yêu cầu nên tạm thời Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở, người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị NA và anh Lê AT không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị NA chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019922 ngày 17/8/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị NA đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị NA được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Lê AT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- **Đại sứ quán Việt Nam tại Ch Séc;**
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà